

Số: 52 /BC-UBND

Bình Phước, ngày 19 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO

**Tiếp thu, giải trình ý kiến của Hội đồng nhân dân tỉnh
tại Báo cáo số 05/BC-HĐND-DT ngày 18/02/2025 thẩm tra
dự thảo Nghị quyết về chính sách đất đai đối với đồng bào
dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ Báo cáo số 05/BC-HĐND-DT ngày 18/02/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh thẩm tra dự thảo Nghị quyết về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 464/STNMT-CCQLĐĐ ngày 18/02/2025 về việc báo cáo giải trình Dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp thứ 20 (chuyên đề), Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X. UBND tỉnh báo cáo tiếp thu và giải trình như sau:

1. Đối với các nội dung:

- Tại điểm c khoản 2 Điều 2 của dự thảo nghị quyết: đề nghị bổ sung cụm từ “và đủ điều kiện” vào sau cụm từ “Có nhu cầu”.
- Tại 1 khoản 1 Điều 3 của dự thảo nghị quyết: đề nghị bổ sung cụm từ “cá nhân thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo” vào sau cụm từ “vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi”.
- Tại tên Điều 4 của dự thảo nghị quyết: đề nghị bổ sung cụm từ “Chính sách” vào trước cụm từ “hỗ trợ đất sinh hoạt cộng đồng”.
- Tại khoản 1 Điều 2 và Điều 4 của dự thảo nghị quyết: đề nghị thống nhất sử dụng cụm từ “vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi” thay cho cụm từ “vùng đồng bào dân tộc thiểu số” và bổ sung cụm từ “cho đồng bào dân tộc thiểu số” vào sau cụm từ “chưa có đất sinh hoạt cộng đồng”.

Tiếp thu ý kiến của Ban Dân tộc - Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường chỉnh sửa, bổ sung các cụm từ nêu trên trong dự thảo Nghị quyết.

2. Đối với các nội dung Ban Dân tộc đề nghị UBND tỉnh:

- Khi tổ chức triển khai thực hiện, đề nghị UBND tỉnh cần quy định rõ đối tượng được hỗ trợ đất lần đầu; trường hợp trong quá trình sử dụng đất bị mất đất do thiên tai, bị sạt lở, sụt lún; đối tượng được đất cấp thuộc chính sách nhưng bị tái lần chiếm hoặc do yếu tố khách quan khác để xem xét chính sách hỗ trợ theo quy định Nghị quyết này.



- Chỉ đạo các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố kiểm tra, rà soát thực trạng thôn, ấp đồng bào dân tộc thiểu số chưa có đất sinh hoạt cộng đồng theo Điều 4 của dự thảo Nghị quyết; nhà sinh hoạt cộng đồng có diện tích đất chưa đảm bảo tối thiểu theo quy định. Chỉ đạo kiểm tra, rà soát cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh có nhu cầu được hỗ trợ theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 của dự thảo Nghị quyết và quỹ đất để thực hiện các chính sách hỗ trợ khi triển khai thực hiện nghị quyết.

- Tiếp tục chỉ đạo các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra; ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện, tránh tình trạng người dân chậm nhận được sự hỗ trợ khi đủ điều kiện theo quy định; đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng mục đích sử dụng.

Tiếp thu các ý kiến của Ban Dân tộc - Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ triển khai các nội dung nêu trên khi ban hành Quyết định Quy định diện tích giao đất, cho thuê đất để thực hiện chính sách hỗ trợ đất đai đối với cá nhân là người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

UBND tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua./.

(Kèm dự thảo Nghị quyết đã chỉnh sửa)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- LĐVP, Phòng: KT, TH;
- Lưu: VT (Đ.Thắng BC 02)



Trần Tuệ Hiền



Số: 2025/NQ-HĐND

Bình Phước, ngày tháng năm 2025.

Dự thảo đã tiếp thu
theo ý kiến thẩm tra
của ban Dân tộc
HĐND tỉnh

NGHỊ QUYẾT
**Quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số
sinh sống trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 20

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Đất đai năm 2024;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số
31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh Bất động sản số
29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6
năm 2024;
Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của
Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin
đất đai;
Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của
Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;
Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2025 của Ủy ban
nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý
kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách bảo đảm đất sinh hoạt cộng đồng cho
đồng bào dân tộc thiểu số; chính sách hỗ trợ đất đai cho cá nhân là người dân tộc
thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số
và miền núi trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Điều 16 Luật Đất đai năm 2024.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thôn, ấp, khu dân cư (gọi chung là thôn, ấp) vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chưa có đất sinh hoạt cộng đồng.

2. Cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Không có đất ở, không có đất nông nghiệp hoặc thiếu đất ở, thiếu đất nông nghiệp so với hạn mức hỗ trợ.

b) Đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất nhưng nay không còn đất ở, không còn đất nông nghiệp hoặc thiếu đất ở, thiếu đất nông nghiệp so với hạn mức hỗ trợ.

c) Có nhu cầu và đủ điều kiện được Nhà nước cho thuê đất phi nông nghiệp không phải đất ở để sản xuất, kinh doanh.

3. Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết này.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Việc xác định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; cá nhân thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Việc bố trí quỹ đất để thực hiện chính sách theo Nghị quyết này được căn cứ vào điều kiện quỹ đất của địa phương và quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

3. Việc giao đất trong hạn mức hỗ trợ, cho thuê đất để thực hiện chính sách hỗ trợ đất đai đối với cá nhân theo Nghị quyết này thực hiện theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh. Ưu tiên giải quyết cho các đối tượng được hỗ trợ đất đai lần đầu, sau đó mới xem xét giải quyết cho các đối tượng không còn đất hoặc thiếu đất so với hạn mức hỗ trợ được quy định.

4. Các đối tượng được hỗ trợ đất đai theo Nghị quyết này khi thực hiện thừa kế, tặng cho, chuyển nhượng, thế chấp quyền sử dụng đất phải đảm bảo điều kiện quy định tại Điều 48 Luật Đất đai năm 2024.

5. Đảm bảo công khai, minh bạch và công bằng giữa các đối tượng thụ hưởng.

Điều 4. Chính sách hỗ trợ đất sinh hoạt cộng đồng

Thôn, ấp vùng đồng bào dân tộc thiểu số chưa có đất sinh hoạt cộng đồng cho đồng bào dân tộc thiểu số thì được bố trí đất với diện tích tối thiểu là 500 m² để xây dựng công trình sinh hoạt cộng đồng phù hợp với phong tục, tập quán, tín ngưỡng, bản sắc văn hóa và điều kiện thực tế của từng vùng.

Điều 5. Chính sách hỗ trợ đất đai lần đầu cho cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định tại Khoản 2 Điều 16 Luật Đất đai năm 2024

1. Giao đất ở trong hạn mức hỗ trợ.

Cá nhân đảm bảo các điều kiện được giao đất ở trong hạn mức hỗ trợ theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và được miễn, giảm tiền sử dụng đất.

2. Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác sang đất ở trong hạn mức hỗ trợ giao đất ở.

Cá nhân có nhu cầu sử dụng đất được chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác sang đất ở trong hạn mức hỗ trợ giao đất ở và được miễn, giảm tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Giao đất nông nghiệp trong hạn mức hỗ trợ.

Cá nhân được giao đất nông nghiệp trong hạn mức hỗ trợ theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và không thu tiền sử dụng đất.

4. Cho thuê đất phi nông nghiệp không phải là đất ở để sản xuất, kinh doanh.

Cá nhân đảm bảo các điều kiện theo quy định, có nhu cầu thuê đất phi nông nghiệp không phải đất ở để sản xuất, kinh doanh thì được Nhà nước cho thuê đất trong hạn mức hỗ trợ theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và được miễn, giảm tiền thuê đất.

5. Diện tích giao đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được tính cho tổng diện tích đất được Nhà nước giao, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trong quá trình thực hiện các chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

Điều 6. Chính sách hỗ trợ đất đai để bảo đảm ổn định cuộc sống cho cá nhân là người dân tộc thiểu số quy định tại Khoản 3 Điều 16 Luật Đất đai năm 2024

Việc hỗ trợ đất đai cho cá nhân đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo các chính sách đất đai qua các thời kỳ nhưng nay không còn đất hoặc thiếu đất so với hạn mức hỗ trợ theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh mà thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thực hiện như sau:

1. Trường hợp không còn đất ở thì được giao tiếp đất ở hoặc được chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác sang đất ở; người sử dụng đất được miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với diện tích trong hạn mức hỗ trợ giao đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trường hợp thiếu đất ở so với hạn mức hỗ trợ giao đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh thì được chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác sang đất ở và được miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với diện tích trong hạn mức hỗ trợ giao đất ở.

2. Trường hợp không còn đất nông nghiệp hoặc diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng không đủ 50% diện tích đất so với hạn mức hỗ trợ giao đất nông nghiệp theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh thì được giao tiếp đất nông nghiệp trong hạn mức hỗ trợ không thu tiền sử dụng đất hoặc được cho thuê đất phi nông nghiệp không phải là đất ở để sản xuất, kinh doanh và được miễn, giảm tiền thuê đất.

Điều 7. Quỹ đất và kinh phí thực hiện

1. Quỹ đất để thực hiện chính sách tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Luật Đất đai năm 2024.

2. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ về đất đai quy định tại Nghị quyết này được quy định tại khoản 8 Điều 16 Luật đất đai năm 2024; khoản 3 Điều 8 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước Khóa, Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2025 và có hiệu lực từ ngày.....tháng....năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm phục vụ hành chính công (đăng công báo);
- Đài Phát thanh, Truyền hình và Báo Bình Phước;
- Lưu: VT, VP ĐBQH và HĐND tỉnh.

CHỦ TỊCH